

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH
V/v báo cáo quyết toán kinh
phí thực hiện chính sách nội
trú đối với học sinh, sinh
viên học cao đẳng, trung cấp
năm 2019 trên địa bàn tỉnh
Bình Định

Bình Định, ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ năm 2019 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Kinh phí đã thực hiện năm 2019: 136 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Công văn này)

2. Nguồn kinh phí thực hiện năm 2019: 27.313 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí năm 2018 chuyển sang năm 2019 *(bao gồm kinh phí thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2017 với số tiền 5.978 triệu đồng)* theo Công văn số 1596/UBND-TH ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh về việc báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định: 23.489 triệu đồng;

- Kinh phí ngân sách Trung ương đã bổ sung mục tiêu cho ngân sách địa phương năm 2019 theo Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ Tài chính: 3.824 triệu đồng.

3. Kinh phí còn lại chuyển sang năm 2020: 27.177 triệu đồng.

Mặt khác, qua rà soát các nguồn kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh do Trung ương hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện, đến cuối năm 2019 nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa còn thiếu chưa được Trung ương hỗ trợ với số tiền 46.374 triệu đồng *(nội dung cụ thể tại Công văn số 2300/UBND-TH ngày 10/04/2020 của UBND tỉnh về việc báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ năm 2019)*. Do đó, UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tài chính cho phép sử dụng nguồn kinh phí thực hiện chính sách theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ còn lại chuyển nguồn sang năm 2020 với số tiền 27.177 triệu đồng nêu tại Điểm 3 Công văn này và bổ sung kinh phí cho địa phương với

số tiền 19.197 triệu đồng (= 46.374 triệu đồng – 27.177 triệu đồng) để thực hiện chính sách theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ nêu trên.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính quan tâm xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở TC, LĐTBXH, GDĐT;
- CVP, PVPVX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC
BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 53/2015/QĐ-TTg NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / /2020 của UBND tỉnh)

TT	Loại đối tượng được hưởng chính sách	Học Kỳ II năm học 2018-2019						Học kỳ I năm học 2019-2020										Tổng kinh phí thực hiện năm 2019 (triệu đồng)	Ghi chú
		Số đối tượng được hưởng chính sách (sinh viên)	Trong đó		Số đối tượng hỗ trợ đi lại mỗi năm 01 lần	Số tháng hưởng học bổng chính sách/năm	Mức học bổng chính sách/tháng (Triệu đồng)	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Số đối tượng được hưởng chính sách (sinh viên)	Trong đó		Số tháng hưởng học bổng chính sách/năm	Mức học bổng chính sách/tháng (Triệu đồng)	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)					
			Số đối tượng hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân 1 lần 1.000.000 đồng/khóa (sinh viên)	Số đối tượng hỗ trợ ở lại trường trong dịp tết nguyên đán 150.000 đồng/năm (sinh viên)						Số đối tượng hỗ trợ đi lại trong dịp tết nguyên đán 150.000 đồng/năm (sinh viên)	Mức hỗ trợ 300.000 đồng/năm (sinh viên)				Mức hỗ trợ 200.000 đồng/năm (sinh viên)				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	$8=(2)*1trd+(3)*0,15trd+(4)*0,3trd+(5)*0,2trd+(1)*(6)*(7)$	9	10	11	12	13	14	15	$16=(10)*1trd+(11)*0,15trd+(12)*0,3trd+(13)*0,2trd+(9)*(14)*(15)$	25=(8)+(16)	
I	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo, người khuyết tật	-	-	-	-	-	18	4	-	-	-	-	-	-	18	4	-	-	
1	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo						6	1,3	-					6	1,3		-	-	
2	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo						6	1,3	-					6	1,3		-	-	
3	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số người khuyết tật						6	1,3	-					6	1,3		-	-	
II	Học sinh, sinh viên tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh, sinh viên người dân tộc kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo	-	-	-	-	-	12	2	-	-	-	-	-	12	2	-	-	-	
1	Học sinh, sinh viên tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú						6	1,04	-					6	1,04		-	-	
2	Học sinh, sinh viên người dân tộc kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo						6	1,04	-					6	1,04		-	-	
III	Học sinh, sinh viên người dân tộc kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo	15	-	-	-	-	12	2	75	15	7	-	7	-	12	2	61	136	
1	Học sinh, sinh viên người dân tộc kinh thuộc hộ nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo	8					6	0,834	40	8	2		2	6	0,894	24	64		
2	Học sinh, sinh viên người dân tộc kinh thuộc hộ cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo	7					6	0,834	35	7	5		5	6	0,894	37	72		
Tổng cộng		15	-	-	-	-	42		75	15	7	-	7	42		61	136		